



KINH TẾ HỌC VĨ MÔ

ThS. Lê Phương Thảo Quỳnh

Khoa Kinh tế Quốc tế - tầng 2 nhà B

Mobile: 0987027398

Email: phuongthaoquynhle@yahoo.com.vn

CHƯƠNG II: ĐO LƯỜNG CÁC BIẾN SỐ KINH TẾ VĨ MÔ



ĐO LƯỜNG THU NHẬP CỦA MỘT QUỐC GIA

- **Kinh tế học vĩ mô trả lời các câu hỏi:**
 - Tại sao thu nhập TB của một số nước rất cao trong khi các nước khác lại thấp?
 - Tại sao mức giá tăng nhanh trong một số thời kỳ và ổn định trong các thời kỳ khác?
 - Tại sao sản xuất và việc làm mở rộng trong một số năm và thu hẹp trong các năm khác?



THU NHẬP VÀ CHI TIÊU CỦA MỘT NỀN KINH TẾ

- Để đánh giá hoạt động của nền kinh tế có hiệu quả hay không, cần nhìn vào tổng thu nhập mà người dân tạo ra trong nền kinh tế.



CHƯƠNG II: ĐO LƯỜNG CÁC BIẾN SỐ KINH TẾ VĨ MÔ

I. Tổng sản phẩm trong nước (GDP) Gross domestic product

“***Tổng sản phẩm trong nước*** (GDP) là giá trị thị trường của tất cả các hàng hóa và dịch vụ cuối cùng được sản xuất ra trong một nước trong một thời kỳ nhất định.”



KHÁI NIỆM GDP

- “*Giá trị thị trường*”: mọi hàng hóa và dịch vụ tạo ra trong nền kinh tế đều được quy về giá trị tính bằng tiền hay tính theo giá cả của hàng hóa được người mua và người bán chấp nhận trên thị trường.
- “*Tất cả các hàng hóa và dịch vụ*”: GDP đo lường mọi sản phẩm được sản xuất ra trong nền kinh tế và được bán hợp pháp trên thị trường,
 - ✓ Bao gồm: sản phẩm hữu hình như quần áo, giày dép... + các sản phẩm dịch vụ như du lịch, phim ảnh, giáo dục, y tế...
 - ✓ Notes: GDP không tính tới giá trị của các sản phẩm tự sản tự tiêu trong hộ gia đình + sản phẩm lưu thông bất hợp pháp như việc sản xuất và buôn bán ma túy.



KHÁI NIỆM GDP

- “Cuối cùng”:

Hàng hóa cuối cùng là những sản phẩm cuối cùng của quá trình sản xuất, được bán cho người sử dụng cuối cùng và chúng được người mua sử dụng dưới dạng sản phẩm hoàn chỉnh. VD: áo

Hàng hóa trung gian là những hàng hóa như vật liệu và các bộ phận được dùng trong quá trình sản xuất ra những hàng hóa khác. VD: vải

Việc chỉ tính hàng hóa và dịch vụ cuối cùng tránh được việc tính nhiều lần giá trị của các hoạt động sản xuất trung gian.



KHÁI NIỆM GDP

- “*Hàng hóa và dịch vụ*” : GDP tính cả hàng hóa hữu hình như lương thực thực phẩm, máy móc thiết bị... tới các sản phẩm dịch vụ vô hình như dịch vụ tư vấn luật của luật sư, dịch vụ khám chữa bệnh...
- “*Được sản xuất ra*” nghĩa là chúng ta chỉ tính giá trị sản xuất hiện tại, *GDP không bao gồm hàng hóa đã qua sử dụng*.



KHÁI NIỆM GDP

- “*Trong phạm vi một nước*” nghĩa là tất cả hàng hóa, dịch vụ sản xuất ra trong phạm vi lãnh thổ Việt Nam đều được tính vào GDP của Việt Nam.

VD?

- “*Trong một thời kỳ nhất định*” có nghĩa là chúng ta đo lường GDP theo quý hoặc theo năm.



CÁC PHƯƠNG PHÁP TÍNH GDP

- ***2.1 Thu nhập, chi tiêu và luồng chu chuyển***

- Nền KT giản đơn:

=> Có HGĐ và DN

- Nền KT đóng:

=> Có HGĐ, DN và CP

- Nền KT mở:

=> Có HGĐ, DN, CP và nước ngoài



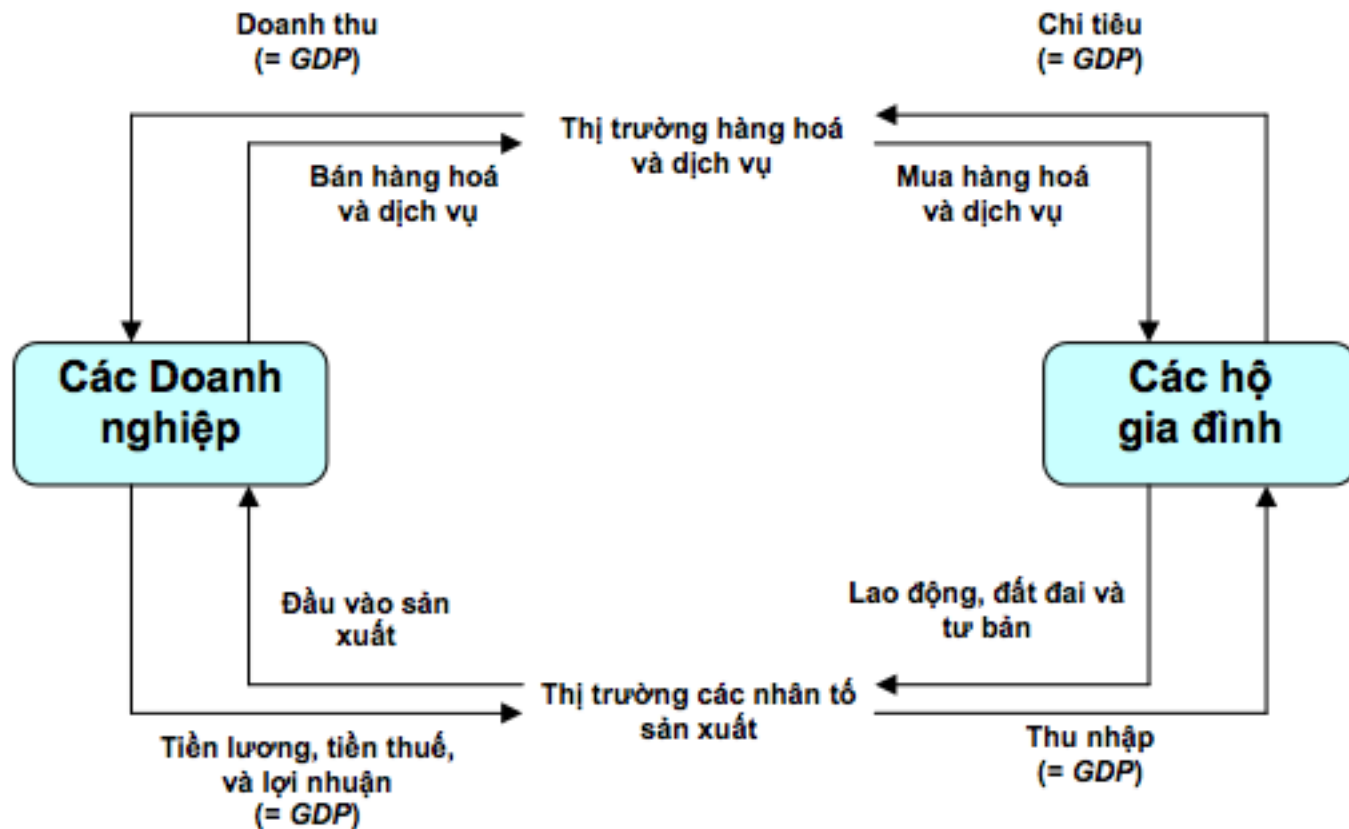
THU NHẬP, CHI TIÊU VÀ LUỒNG CHU CHUYỂN

- Xem xét nền KT dưới góc độ tổng thể, tổng thu nhập luôn bằng tổng chi tiêu vì:
 - Mọi giao dịch đều có người bán và người mua
 - Chi tiêu của người mua chính là thu nhập của người bán



THU NHẬP, CHI TIÊU VÀ LUỒNG CHUYỂN

- Xét hai thị trường trong nền KT giản đơn: TT hàng hóa và dịch vụ, TT nhân tố sản xuất.



THU NHẬP, CHI TIÊU VÀ LUỒNG CHU CHUYỂN

- ***TT nhân tố sản xuất:***

Người bán: HGĐ

Người mua: DN

SP: dịch vụ về lao động, đất đai, nhà xưởng...

Tổng chi tiêu của DN = Tổng thu nhập của HGĐ

- ***TT hh&dv:***

Người bán: DN

Người mua: HGĐ

SP: hh&dv cuối cùng

Tổng chi tiêu của HGĐ = Tổng thu nhập của DN



THU NHẬP, CHI TIÊU VÀ LUỒNG CHU CHUYỂN

- ⇒ Có thể tính GDP theo hai cách:
 - ✓ cộng tất cả các khoản thu nhập mà các hộ gia đình nhận từ phía doanh nghiệp
 - ✓ hoặc cộng tất cả các khoản chi tiêu của hộ gia đình thanh toán cho doanh nghiệp lại với nhau.
- Do chi tiêu của người này luôn bằng thu nhập của người khác nên GDP tính theo hai cách luôn bằng nhau.



CÁC PHƯƠNG PHÁP ĐO LƯỜNG GDP

Tổng sản lượng = Tổng chi tiêu = Tổng thu nhập

⇒ 3 PP tính GDP:

- ✓ PP chi tiêu
- ✓ PP thu nhập
- ✓ PP sản xuất



PHƯƠNG PHÁP CHI TIÊU

○ *Thành phần của GDP:*

- ✓ Tiêu dùng của HGD (C – Consumption)
- ✓ Đầu tư tư nhân (I – Gross Private Domestic Investment)
- ✓ Chi tiêu của chính phủ (G – Government Expenditure)
- ✓ Xuất khẩu ròng (NX – Net Export)

GDP được ký hiệu là Y, ta có:

$$Y = C + I + G + NX$$



PHƯƠNG PHÁP CHI TIÊU

- Tiêu dùng của HGĐ (C):

Chi tiêu của HGĐ vào hàng hóa và dịch vụ, không bao gồm xây dựng, mua nhà ở (tính vào I).

- Đầu tư tư nhân (I): Các khoản DN chi ra để mua:

- ✓ Máy móc, thiết bị, nhà xưởng
- ✓ Giá trị hàng tồn kho

$$I = \text{net } I + \text{Dep}$$

Net I (Đầu tư ròng): là khoản chi tiêu để mở rộng quy mô của tư bản hiện vật.

Dep (Depreciation - Khấu hao): khoản bù đắp cho tư bản hiện vật đã bị hao mòn



PHƯƠNG PHÁP CHI TIÊU

○ ***Chi tiêu chính phủ (G):***

- ✓ trả lương cho những người làm việc (bộ đội, CA, GV, CN-VC...)
- ✓ chi đầu tư
- ✓ chi quốc phòng

Note: G không bao gồm các khoản bảo hiểm xã hội, khoản trợ cấp thất nghiệp và các *khoản chuyển giao thu nhập (Transfer Payments)* như trợ cấp cho người nghèo, người tàn tật...



PHƯƠNG PHÁP CHI TIÊU

- ***Xuất khẩu ròng (NX):***

$$NX = X - M$$

X: xuất khẩu (export)

M: nhập khẩu (import)



PHƯƠNG PHÁP CHI TIÊU

$$\text{GDP} = C + I + G + (X - M)$$

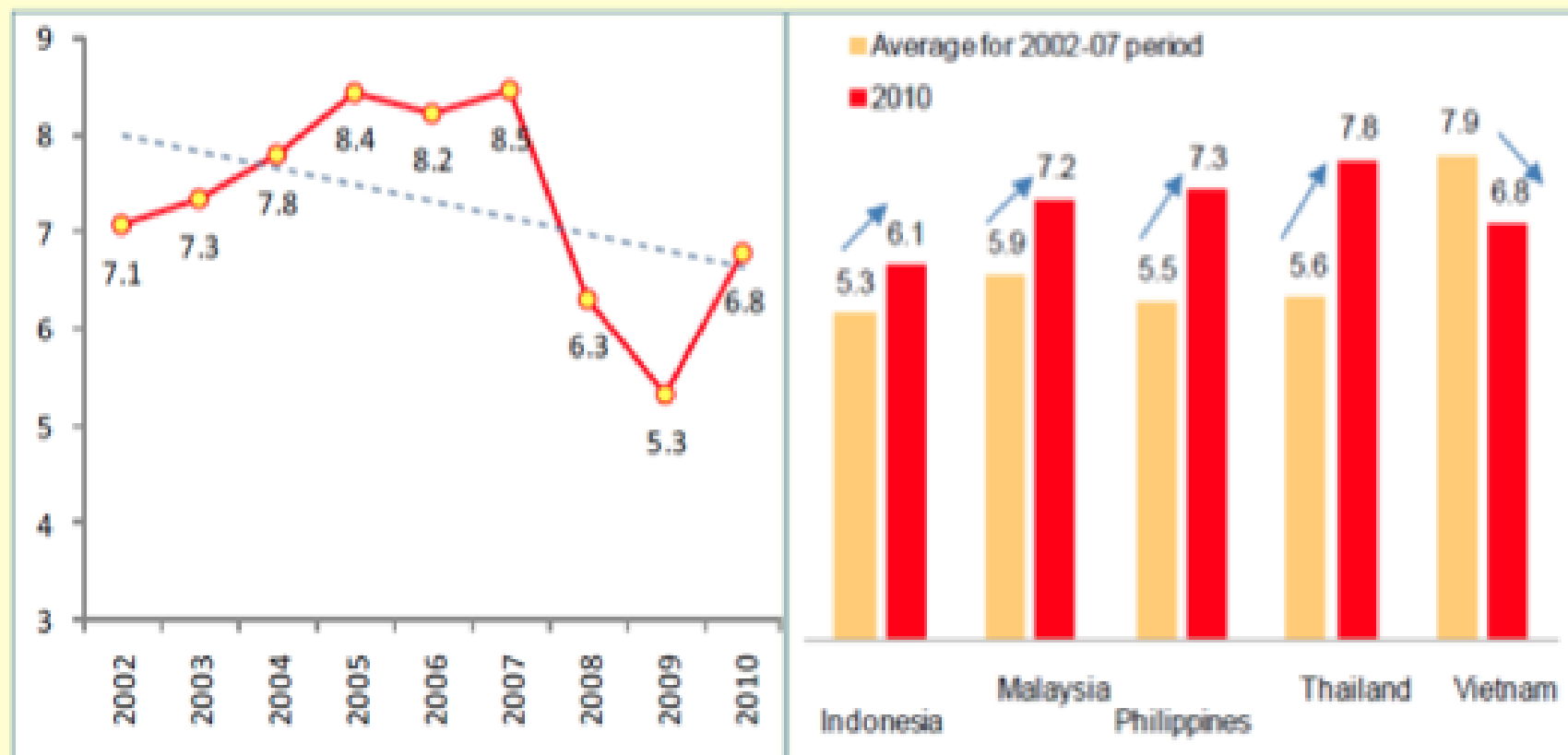
Diagram illustrating the components of GDP:

- C : consumption
- I : investment
- G : government expenditure
- X : exports
- M : imports
- $(X - M)$: net exports

Figure 4: Vietnam and ASEAN 4 Growth Rates: Pre-Crisis vs Now

Left Panel: Vietnam's output growth rate

Right Panel: Vietnam vs ASEAN 4 growth rate

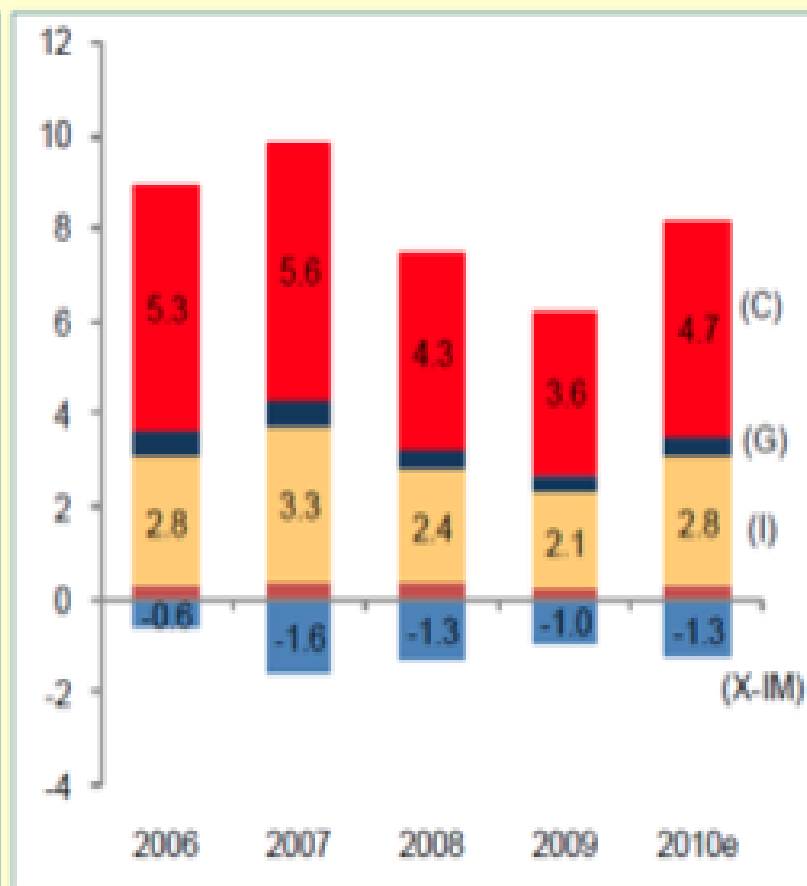
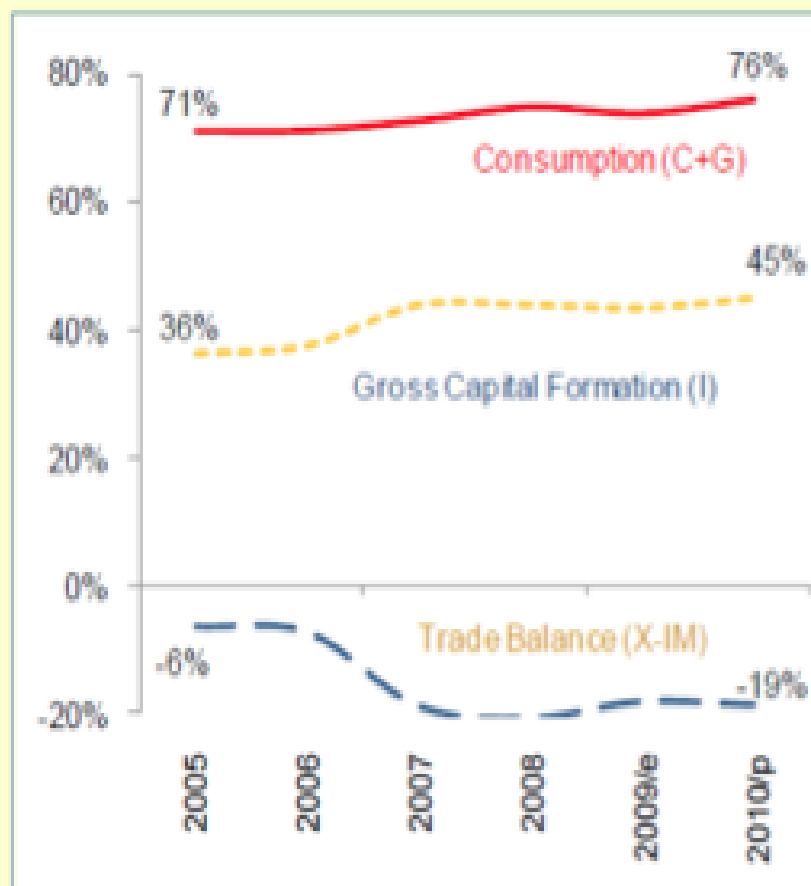


Source: General Statistics Office, Note: East Asia and Pacific Economic Update (2011)

Figure 6: Drivers of Aggregate Demand

Left Panel: Share in aggregate demand (2005-2010)

Right Panel: Contribution to aggregate demand, in % (2006-2010)



Source: General Statistics Office

PHƯƠNG PHÁP THU NHẬP

- Sử dụng thông tin trên TT nhân tố sx
- GDP = tổng thu nhập HGD thu được từ việc cung cấp cho DN các yếu tố đầu vào sx như: lao động, vốn, đất đai và các tài sản đầu vào cho thuê khác.
= tổng chi tiêu của DN cho các nhân tố sx



PHƯƠNG PHÁP THU NHẬP

○ **$GDP = W + R + i + Te + Pr + Dep$**

- ✓ W (wage): Lương
- ✓ R (rental income): Thu nhập từ cho thuê TS
- ✓ i (net interest): Tiền lãi ròng
- ✓ Te (thuế gián thu ròng):

$$Te = Ti - \text{Trợ cấp}$$

Ti: indirect tax. VD: thuế VAT, thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế xnk

Trợ cấp (Subsidy). VD: trợ giá trong nông nghiệp, xe bus...



PHƯƠNG PHÁP THU NHẬP

- PR (*Profit*): là toàn bộ lợi nhuận doanh nghiệp kiếm được. Lợi nhuận này một phần được trả cho các hộ gia đình dưới dạng cổ tức, một phần doanh nghiệp giữ lại để tiếp tục đầu tư.
- Dep: *Khấu hao (Depreciation)*



PHƯƠNG PHÁP SẢN XUẤT (PP GIÁ TRỊ GIA TĂNG)

$$GDP = \sum V A_i \text{ (i=1,2,3,...,n)}$$

$V A_i$: GTGT tạo ra bởi ngành i

VA (value added) = giá trị tổng sản lượng của doanh nghiệp trừ đi giá trị của tất cả các hàng hóa trung gian mua từ doanh nghiệp khác.



3. CÁC CHỈ TIÊU ĐO LƯỜNG KHÁC VỀ THU NHẬP QUỐC DÂN

- **Tổng sản phẩm quốc dân (*Gross national product-GNP*):** Đo lường thu nhập của các công dân một nước trong một thời kỳ nhất định (thường là 1 năm).

$$\text{GNP} = \text{GDP} + \text{NFA}$$

NFA: thu nhập yếu tố ròng từ nước ngoài (Net factor income from abroad)

NFA = thu nhập được cư dân trong nước tạo ra ở nước ngoài - thu nhập của người nước ngoài tạo ra ở trong nước



3. CÁC CHỈ TIÊU ĐO LƯỜNG KHÁC VỀ THU NHẬP QUỐC DÂN

- **Sản phẩm quốc dân ròng (Net national product-NNP)**

$$NNP = GNP - Dep$$

- **Thu nhập quốc dân (National income-NI):** Bằng NNP trừ thuế gián thu ròng.

$$NI = NNP - Te$$

- **Thu nhập cá nhân (Personal Income-PI):** Là khoản thu nhập mà các hộ gia đình nhận được từ các doanh nghiệp từ việc cung cấp các dịch vụ và từ các chương trình trợ cấp của chính phủ về phúc lợi và bảo hiểm xã hội

- **Thu nhập khả dụng (Disposable income-Yd):** Bằng thu nhập trừ thuế thu nhập cá nhân và các khoản ngoài thuế phải nộp cho chính phủ, ví dụ: lệ phí giao thông.



GDP DANH NGHĨA, GDP THỰC TẾ VÀ CHỈ SỐ ĐIỀU CHỈNH GDP

- ***GDP danh nghĩa (GDP_n – Nominal GDP):***

là giá trị sản lượng hàng hóa và dịch vụ tính theo giá hiện hành.

$$GDP_n^t = \sum_{i=1}^n q_i^t p_i^t$$

q: sản lượng

p: mức giá

t: thời kỳ nghiên cứu

i: mặt hàng thứ i trong n mặt hàng



GDP DANH NGHĨA, GDP THỰC TẾ VÀ CHỈ SỐ ĐIỀU CHỈNH GDP

- Thực tế cho thấy GDP_n thường tăng từ năm này qua năm khác. Nếu chỉ quan sát GDP_n, ta sẽ không thể kết luận GDP tăng là do sản lượng hay mức giá tăng.



GDP DANH NGHĨA, GDP THỰC TẾ VÀ CHỈ SỐ ĐIỀU CHỈNH GDP

- ***GDP thực tế*** là giá trị sản lượng hàng hóa và dịch vụ tính theo mức giá trong năm cơ sở (mức giá cố định). Nó bằng tổng lượng hàng hóa và dịch vụ sản xuất ra trong một năm nhân với giá hàng hóa và dịch vụ ấy trong năm cơ sở (năm gốc).
- Ở đây $t = 0$ là năm gốc

$$GDP_r^t = \sum_{i=1}^n q_i^t p_i^0$$



GDP DANH NGHĨA, GDP THỰC TẾ VÀ CHỈ SỐ ĐIỀU CHỈNH GDP

- Nhìn vào sự biến động của GDP thực tế, ta có thể biết được sản lượng hàng hóa và dịch vụ thay đổi như thế nào theo thời gian vì sản lượng trong mỗi năm cùng được tính theo giá cố định của năm cơ sở.

=> GDP_{Pr} dùng để đo lường tăng trưởng KT.



GDP DANH NGHĨA, GDP THỰC TẾ VÀ CHỈ SỐ ĐIỀU CHỈNH GDP

- **Chỉ số điều chỉnh GDP (GDP Deflator-D GDP):**
phản ánh sự thay đổi của giá cả, dùng để đo lường lạm phát.
- **Chỉ số điều chỉnh GDP:**

$$D_{GDP}^t = \frac{GDP_n^t}{GDP_r^t} \times 100$$



GDP DANH NGHĨA, GDP THỰC TẾ VÀ CHỈ SỐ ĐIỀU CHỈNH GDP

- ***?chỉ số điều chỉnh GDP chỉ phản ánh giá cả chứ không phản ánh sản lượng:***

- ✓ Xét trường hợp 1: q tăng, p không đổi \Rightarrow GDP_n và GDP_r đều tăng với tỷ lệ như nhau \Rightarrow chỉ số điều chỉnh GDP không đổi.
- ✓ Xét trường hợp 2: q không đổi, p tăng \Rightarrow GDP_n tăng, GDP_r không đổi \Rightarrow chỉ số điều chỉnh GDP tăng.



GDP DANH NGHĨA, GDP THỰC TẾ VÀ CHỈ SỐ ĐIỀU CHỈNH GDP

	P sách	Q sách	P bút	Q bút
2011	5	100	3	75
2012	6	150	4	100
2013	7	200	5	150



GDP DANH NGHĨA, GDP THỰC TẾ VÀ CHỈ SỐ ĐIỀU CHỈNH GDP

- Năm gốc là 2011

Năm	GDP danh nghĩa
2011	$100 \times 5 + 3 \times 75 = 725$
2012	$6 \times 150 + 4 \times 100 = 1300$
2013	$7 \times 200 + 5 \times 150 = 2150$



GDP DANH NGHĨA, GDP THỰC TẾ VÀ CHỈ SỐ ĐIỀU CHỈNH GDP

Năm	GDP _r
2011	$5 \times 100 + 3 \times 75 = 725$
2012	$5 \times 150 + 3 \times 100 = 1050$
2013	$5 \times 200 + 3 \times 150 = 1450$



GDP DANH NGHĨA, GDP THỰC TẾ VÀ CHỈ SỐ ĐIỀU CHỈNH GDP

Năm	$D\text{ GDP} = (\text{GDP}_n / \text{GDP}_r) \times 100$
2011	$D\text{ GDP} = 725 / 725 \times 100 = 100$
2012	$D\text{ GDP} = 1300 / 1050 \times 100 = 124$
2013	$D\text{ GDP} = 2150 / 1450 \times 100 = 148$



GDP DANH NGHĨA, GDP THỰC TẾ VÀ CHỈ SỐ ĐIỀU CHỈNH GDP

- ⇒ Lạm phát năm 2012 = $(124 - 100)/100 = 24\%$
- ⇒ Lạm phát năm 2013 = $(148 - 124)/124 = 19.35\%$



GDP VÀ PHÚC LỢI KINH TẾ

- GDP bình quân trên đầu người cao hơn chứng tỏ mức sống tốt hơn
- Nhưng GDP không phải là chỉ tiêu đo lường hoàn hảo hạnh phúc, chất lượng sống



GDP VÀ PHÚC LỢI KINH TẾ

- *Một số yếu tố thuộc về phúc lợi kinh tế nhưng không được phản ánh trong GDP:*












- ✓ Sự cải thiện chất lượng hàng hóa và dịch vụ
- ✓ Kinh tế phụ gia đình
- ✓ Kinh tế ngầm
- ✓ Sức khỏe và tuổi thọ
- ✓ Thời gian nhàn rỗi
- ✓ Chất lượng môi trường
- ✓ Công bằng xã hội



- http://www.bbc.co.uk/vietnamese/multimedia/2014/01/140103_gdp_80_years_analysis.shtml



GDP BÌNH QUÂN TRÊN ĐẦU NGƯỜI CỦA MỘT SỐ QUỐC GIA 2012

Rank		Country	USD\$	Year
1		Luxembourg	107,206	2012
2		Qatar	99,731	2012
3		Norway	99,462	2012
4		Switzerland	79,033	2012
5		Australia	67,723	2012
6		United Arab Emirates	64,840	2012
7		Denmark	56,202	2012
8		Sweden	55,158	2012
9		Canada	52,232	2012
10		Singapore	51,162	2012
...				
137		Vietnam	1,528	2012



SỰ CHÊNH LỆCH GDP TRÊN THẾ GIỚI VÀ CHẤT LƯỢNG CUỘC SỐNG

Nước	<i>GDP</i> thực tế đầu người (đô la)	Tuổi thọ trung bình (năm)	Tỷ lệ biết chữ của người trưởng thành (%)
Mỹ	29.010	77	99
Nhật	24.070	80	99
Đức	21.260	77	99
Mexicô	8.370	72	90
Braxin	6.480	67	84
Nga	4.370	67	99
Indônêxia	3.490	65	85
Trung Quốc	3.130	70	83
Ấn độ	1.670	63	53
Pakixtan	1.560	64	41
Băngladét	1.050	58	39
Nigêria	920	50	59
<i>Nguồn:</i> Báo cáo phát triển con người 1999, Liên hợp Quốc			



ĐO LƯỜNG CHỈ SỐ GIÁ TIÊU DÙNG

CONSUMER PRICE INDEX - CPI



CPI

Chỉ số giá tiêu dùng (Consumer Price Index-CPI)

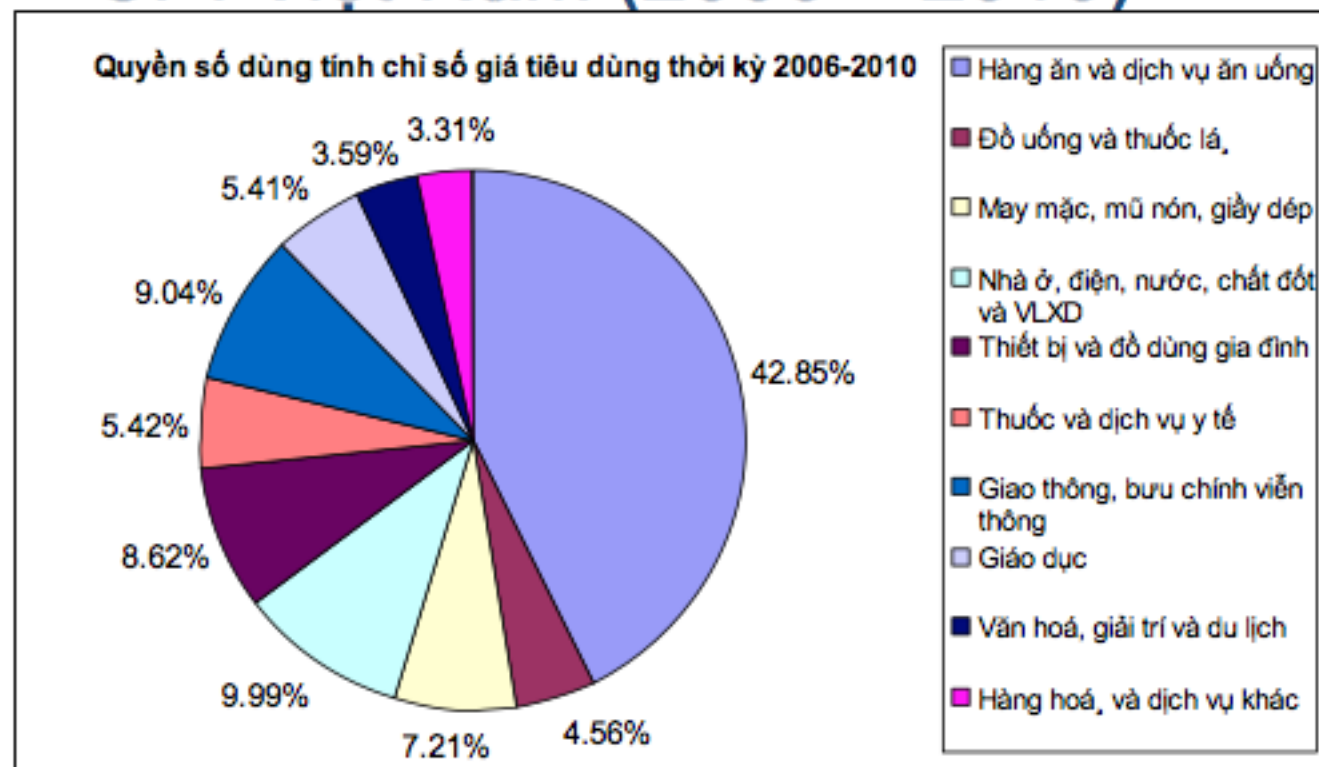
đo lường mức giá trung bình của giỏ hàng hóa và dịch vụ mà một người tiêu dùng điển hình mua.

CPI hàng tháng được tính toán bởi Tổng cục Thống kê.



GIỎ HÀNG HÓA TÍNH CPI CỦA VIỆT NAM

CPI Việt Nam (2006 – 2010)



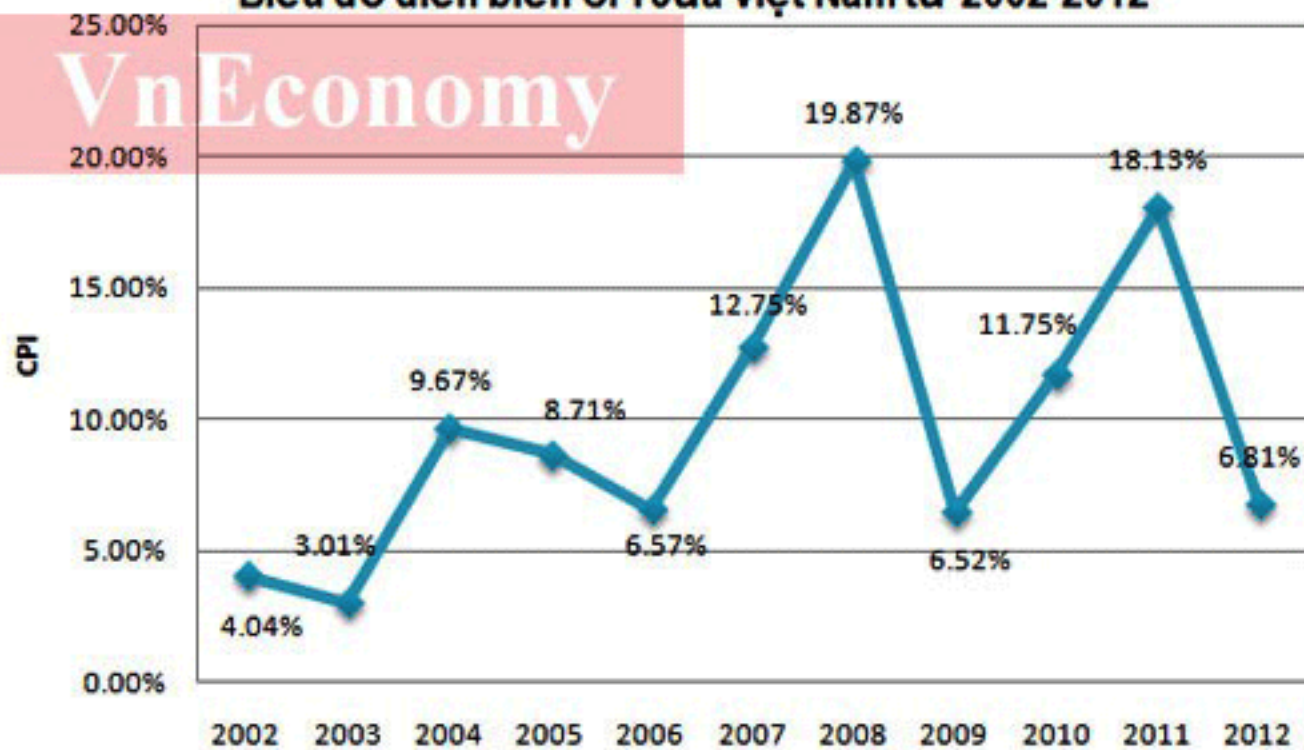
Nguồn: Tổng cục Thống kê, <http://www.gso.gov.vn>

PHƯƠNG PHÁP TÍNH CPI

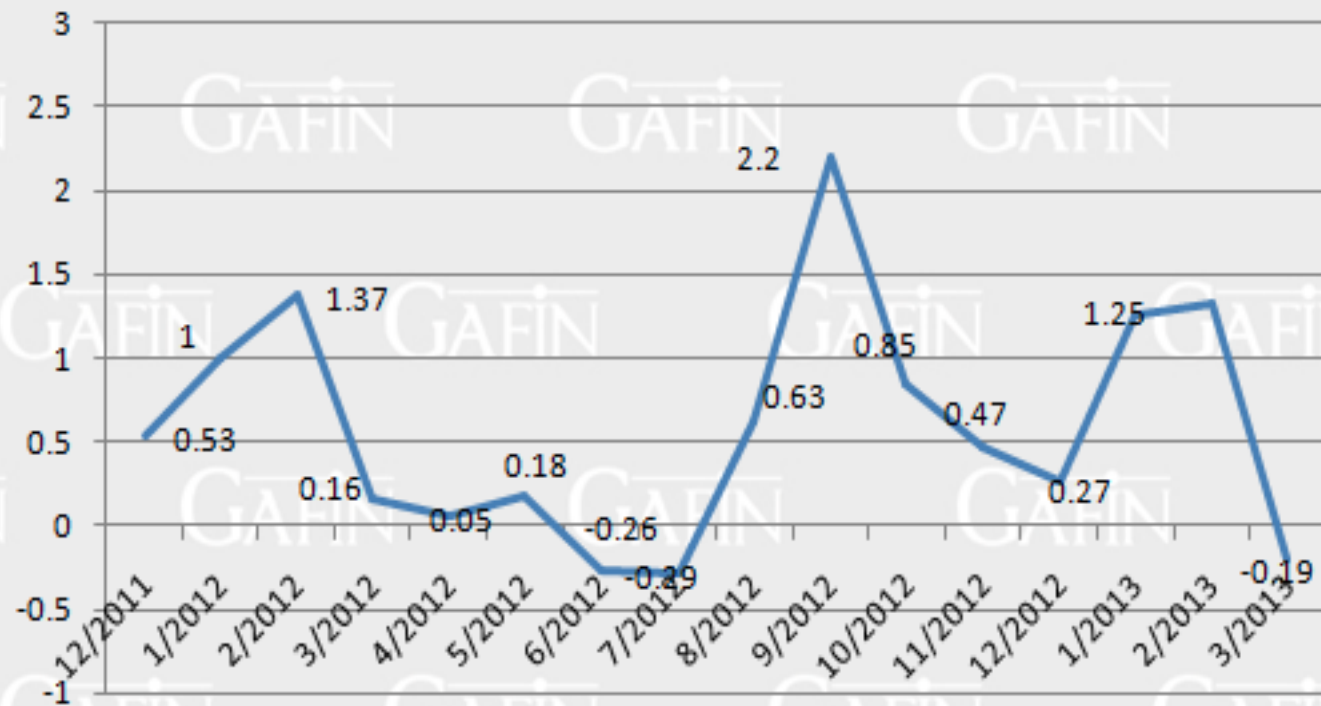
B1: Chọn năm cơ sở và giỏ hhdv cố định q_i^0	- Năm 2010 - Giỏ hhdv: 10kg gạo và 5kg cá		
B2: Xác định giá cả của từng mặt hàng trong giỏ hàng cố định cho các năm	Năm	Giá gạo	Giá cá
	2010	3	15
	2011	4	17
	2012	5	22
B3: Tính chi phí của giỏ hàng qua các năm: $CP_t = \sum p_i^t \times q_i^0$	2010: 3 x 10kg gạo + 15 x 5kg cá = 105 2011: 4 x 10kg gạo + 17 x 5kg cá = 125 2012: 5 x 10kg gạo + 22 x 5kg cá = 160		
B4: Tính chỉ số giá tiêu dùng cho các năm. $CPI^t = (\sum p_i^t q_i^0 / \sum p_i^0 q_i^0) \times 100$	2010: = (105/105) X 100 = 100 2011: = (125/105) X 100 = 119 2012: = (160/105) X 100 = 152.4		
B5: Tính tỷ lệ lạm phát $\frac{CPI^t - CPI^{t-1}}{CPI^{t-1}} \times 100\%$	Tỷ lệ lạm phát năm 2011: (119 - 100)/100 x 100% = 19% Tỷ lệ lạm phát năm 2012: (152.4 – 119)/119 x 100% = 28%		

VnEconomy

Biểu đồ diễn biến CPI của Việt Nam từ 2002-2012



CPI cả nước từ 12/2011 - 3/2013



NHỮNG VẤN ĐỀ PHÁT SINH KHI ĐO LƯỜNG CHI PHÍ SINH HOẠT

- CPI được dùng để tính toán tỷ lệ lạm phát của nền kinh tế,
 - ✓ chính phủ sử dụng CPI để xác định hướng điều chỉnh chi phí sinh hoạt,
 - ✓ ngân hàng sử dụng CPI để điều chỉnh lãi suất tiền gửi và tiền cho vay.
- Nhưng CPI đôi khi phản ánh sai lệch tỷ lệ lạm phát.



NHỮNG VẤN ĐỀ PHÁT SINH KHI ĐO LƯỜNG CHI PHÍ SINH HOẠT

○ ***Nguyên nhân sai lệch:***

• *Lệch thay thế:*

- ✓ CPI sử dụng giỏ hhdv cố định nên không phản ánh được sự phản ứng của người tiêu dùng khi có sự thay đổi của giá tương đối
- ✓ Người tiêu dùng có xu hướng chuyển sang sd hàng hóa có giá rẻ hơn
- ⇒ CPI có xu hướng phản ánh lạm phát cao hơn so với thực tế



NGUYÊN NHÂN SAI LỆCH

○ Lệch do xuất hiện hh mới:

- ✓ Giỏ hhdv không phản ánh sự thay đổi trong sức mua khi có hh mới xuất hiện
- ✓ Sự xh của hh mới làm hh trở nên đa dạng => tiền có giá trị hơn
- ✓ Người tiêu dùng cần ít tiền hơn để duy trì mức sống như trước



NGUYÊN NHÂN SAI LỆCH

- Lệch do chất lượng hh thay đổi:

CPI chỉ phản ánh sự thay đổi trong mức giá, nhưng nếu mức giá tăng đi kèm với chất lượng sản phẩm tăng thì lạm phát không cao như mức CPI tính.



SO SÁNH CHỈ SỐ ĐIỀU CHỈNH GDP VÀ CHỈ SỐ GIÁ TIÊU DÙNG

- ***Giống nhau:*** Cùng phản ánh sự thay đổi của mức giá và được sử dụng để tính lạm phát
 - ***Điểm khác nhau thứ nhất:***
 - ✓ Chỉ số điều chỉnh GDP: Đo lường sự biến động giá của tất cả các hàng hóa và dịch vụ được *sản xuất ra trong nước*.
 - ✓ CPI: Phản ánh biến động giá của mọi hàng hóa và dịch vụ *mà người tiêu dùng mua*.
- => Có hàng hóa là bộ phận của GDP nhưng lại không thuộc giỏ hàng hóa để tính CPI và ngược lại.



SO SÁNH CHỈ SỐ ĐIỀU CHỈNH GDP VÀ CHỈ SỐ GIÁ TIÊU DÙNG

○ ***Điểm khác nhau thứ hai:***

- ✓ D GDP: sử dụng giỏ hhdv thay đổi
- ✓ CPI: sử dụng giỏ hhdv cố định



VẬN DỤNG CPI TRONG THỰC TIỄN: ĐIỀU CHỈNH CÁC BIẾN SỐ KINH TẾ THEO LẠM PHÁT

- CPI dùng để điều chỉnh ảnh hưởng của lạm phát khi so sánh những con số tính bằng tiền ở các giai đoạn khác nhau.



NHỮNG CON SỐ Ở CÁC THỜI ĐIỂM KHÁC NHAU

Top 20 films, adjusted for inflation		
Title	Adjusted gross in 2010 dollars	Year
Gone with the Wind	\$1 606 254 800	1939
Star Wars	\$1 416 050 800	1977
The Sound of Music	\$1 132 202 200	1965
E.T.: The Extra-Terrestrial	\$1 127 742 000	1982
The Ten Commandments	\$1 041 450 000	1956
Titanic	\$1 020 349 800	1997
Jaws	\$1 018 226 600	1975
Doctor Zhivago	\$986 876 900	1965
The Exorcist	\$879 020 900	1973
Snow White and the Seven Dwarfs	\$866 550 000	1937
101 Dalmatians	\$794 342 100	1961
The Empire Strikes Back	\$780 536 100	1980
Ben-Hur	\$779 100 000	1959
Avatar	\$772 516 600	2009
Return of the Jedi	\$747 772 300	1983
The Sting	\$708 685 700	1973
Raiders of the Lost Ark	\$700 727 700	1981
Jurassic Park	\$685 336 400	1993
The Graduate	\$680 292 600	1967
Star Wars: Phantom Menace	\$674 365 200	1999



ĐIỀU CHỈNH CÁC BIẾN SỐ KINH TẾ THEO LẠM PHÁT

○ *Trượt giá:*

- ✓ Khi theo luật định hay hợp đồng, giá trị tính bằng đồng được điều chỉnh tự động để loại trừ ảnh hưởng của lạm phát, người ta nói đó là *trượt giá*.
- ✓ VD: tiền lương, trợ cấp xã hội... được tính trượt giá theo lạm phát căn cứ vào % thay đổi của CPI.
- ✓ Trượt giá có tác dụng đảm bảo cho mức sống của người tiêu dùng được ổn định.



VẬN DỤNG CPI TRONG THỰC TIỄN: ĐIỀU CHỈNH CÁC BIẾN SỐ KINH TẾ THEO LẠM PHÁT

○ *Lãi suất thực tế và lãi suất danh nghĩa*

Lãi suất chính là khoản thanh toán trong tương lai cho khoản tiền đã chuyển giao trong quá khứ.

=> Nó luôn gắn với việc so sánh giá trị của tiền tại các thời điểm khác nhau.



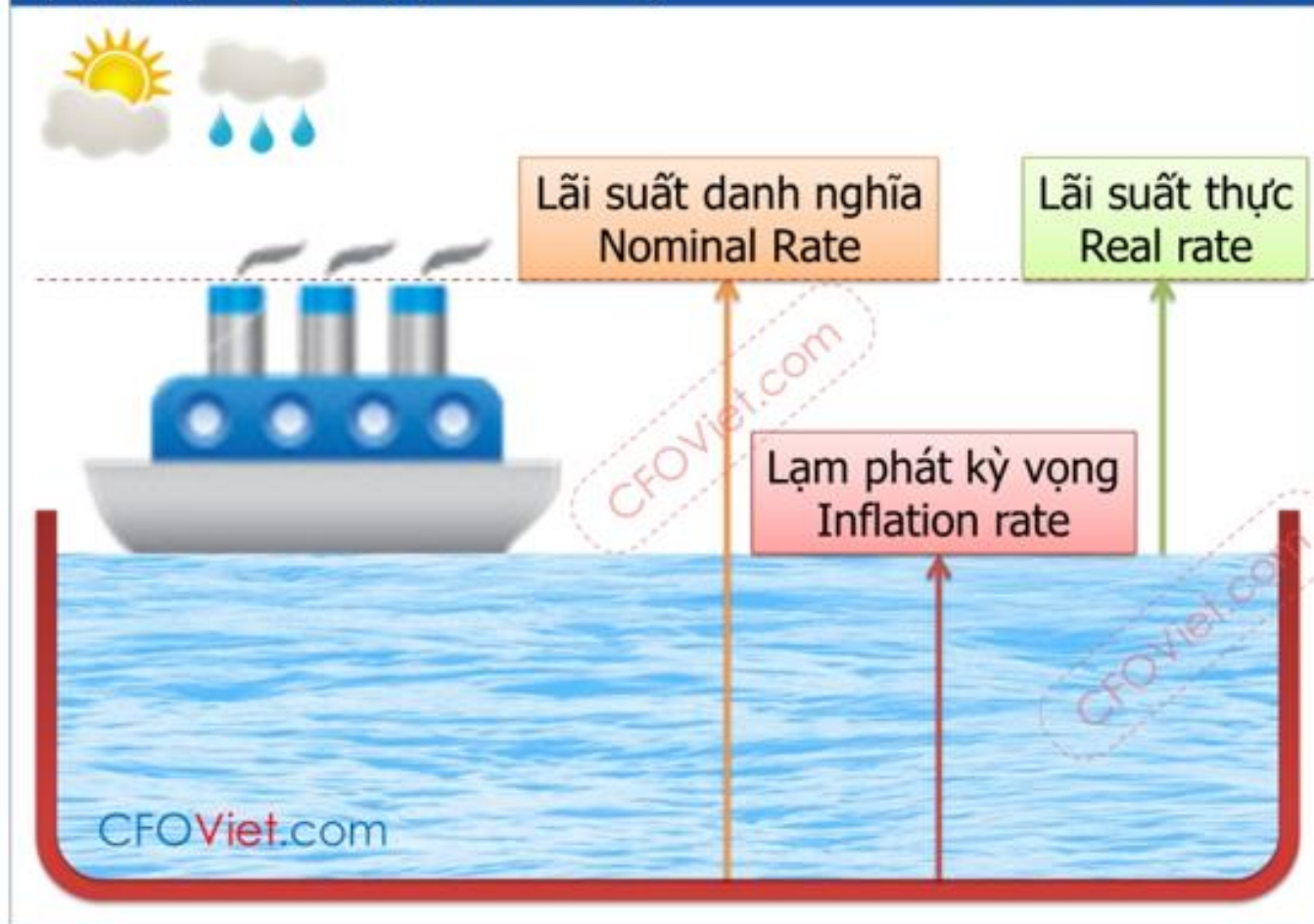
ĐIỀU CHỈNH CÁC BIẾN SỐ KINH TẾ THEO LẠM PHÁT

- **Lãi suất danh nghĩa** (i – nominal interest rate): lãi suất được công bố bởi các ngân hàng, phản ánh sự thay đổi trong số lượng tiền
- **Lãi suất thực tế** (r – real interest rate): phản ánh sự thay đổi trong sức mua của đồng tiền. Là lãi suất danh nghĩa loại trừ ảnh hưởng của lạm phát.

Lãi suất thực tế = Lãi suất danh nghĩa – Tỷ lệ lạm phát

$$r = i - \pi$$





BÀI TẬP

Mỗi giao dịch sau có ảnh hưởng gì (nếu có) đến các yếu tố cấu thành GDP? Hãy giải thích.

- Một gia đình mua chiếc tủ lạnh mới
- Bạn mua một ngôi nhà mới
- Công ty dệt may bán bỏ lô hàng tồn kho từ năm ngoái.
- Bạn mua một chiếc bánh pizza.
- TP Hồ Chí Minh trả nhựa lại một con đường cao tốc.
- Bố mẹ bạn mua một chai rượu vang Pháp.
- Hãng Honda mở rộng nhà máy của mình.

